

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 09h00 * Ngày thi: 09/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28208001038	Lê Thị Bảo	Ân	10/10/2004	Phú Yên	31TYC1	5.3	5.3	Đạt	
2	27203343434	Lê Thị Kim	Anh	19/11/2003	Quảng Bình	30THT13	6.0	5.0	Đạt	
3	28204600361	Nguyễn Thị Minh	Ánh	02/09/2004	Hà Tĩnh	31SHT6	6.7	9.8	Đạt	
4	27207128881	Bùi Thị Tuyết	Ba	26/09/2003	Quảng Nam	31SBN4	8.7	3.0	Không Đạt	
5	30218045947	Trần Thị Út	Chi	11/06/2006	Đắk Lắk	31SHT6	8.0	1.5	Không Đạt	
6	28213100970	Hồ Ngọc	Đại	11/05/2004	Thừa Thiên H	31TBN10	5.0	5.0	Đạt	
7	28212302902	Nguyễn Lý Hữu	Đang	28/02/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	6.3	5.0	Đạt	
8	28218426714	Đỗ Lê	Danh	15/07/2004	Đà Nẵng	31SBN6	5.3	3.3	Không Đạt	
9	29203450296	Nguyễn Thị Thành	Danh	07/07/2005	Bình Định	31CBN4	5.7	3.8	Không Đạt	
10	28206203442	Nguyễn Ái Thùy	Dung	06/03/2004	Quảng Ngãi	31SBN6	7.3	6.3	Đạt	
11	28218125221	Trần Lê Khánh	Duy	09/08/2004	Đà Nẵng	31TBN10	7.7	5.0	Đạt	
12	28207105789	Đinh Thị Hương	Giang	05/06/2004	Đắk Lắk	31TSC2	6.0	3.8	Không Đạt	
13	27202443530	Mang Thị Ngọc	Hà	02/01/2003	Gia Lai	31SHT6	5.3	4.3	Không Đạt	
14	27211341368	Nguyễn Lương	Hải	23/10/2003	Quảng Trị	31CYC5	6.0	1.3	Không Đạt	
15	28208003815	Đinh Ngọc Gia	Hân	04/11/2004	Đà Nẵng	31TBN10	5.0	6.0	Đạt	
16	28208039257	Phan Thị	Hằng	13/11/2004	Quảng Nam	31TBN10	8.3	6.0	Đạt	
17	28208036232	Lê Song Diệu	Hiền	04/10/2004	Đà Nẵng	31TBN10	9.3	6.0	Đạt	
18	28214640694	Ngô Thế	Hiển	10/12/2004	Đà Nẵng	30CBN12	5.7	3.8	Không Đạt	
19	28212300849	Phan Văn	Hung	02/11/2004	Quảng Bình	31SHT6	10.0	9.8	Đạt	
20	28206500215	Nguyễn Thị Thanh	Hương	20/12/2004	Gia Lai	31CHT3	8.7	5.3	Đạt	
21	29204363096	Thiều Ngọc	Huyền	26/08/2005	Đà Nẵng	31SBN6	9.0	5.0	Đạt	
22	28204502696	Võ Thị Lệ	Huyền	11/10/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	6.7	1.5	Không Đạt	
23	27211344135	Võ Hữu	Khánh	12/06/2002	Quảng Nam	31TSC3	3.7	5.5	Không Đạt	
24	28214300904	Trương Hiếu	Kỳ	27/08/2004	Quảng Ngãi	31TYC7	5.3	5.0	Đạt	
25	29209535871	Lê Thị Mỹ	Linh	23/11/2005	Quảng Trị	31SHT6	5.7	7.3	Đạt	
26	29204950388	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/08/2005	Quảng Bình	31SHT6	6.3	7.8	Đạt	
27	28206204952	Trần Thùy	Linh	19/10/2004	Đà Nẵng	31TBN10	8.7	4.0	Không Đạt	
28	28216204311	Đặng Thị Thảo	Ly	08/02/2004	Quảng Nam	31TBN10	9.0	5.8	Đạt	
29	29204654545	Lưu Khánh	Ly	20/01/2004	Hà Tĩnh	31CSC4	5.3	4.0	Không Đạt	
30	28208001507	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	26/02/2004	Bình Định	31SBN6	V	V	Không Đạt	
31	27203841617	Nguyễn Thị Trúc	Ly	01/08/2003	Đắk Lắk	30CYC7	6.0		Không Đạt	
32	29204957291	Trần Thị Ái	Ly	19/08/2005	Quảng Nam	31SHT6	9.0	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28208004374	Trần Thị Tuyết	Mai	10/01/2004	Quảng Nam	31TBN10	7.7	7.3	Đạt	
34	29204659507	Nguyễn Thị Xuân	My	07/10/2005	Quảng Nam	31THT10	8.7	4.0	Không Đạt	
35	28208136280	Nguyễn Thị Y	Na	27/04/2004	Quảng Nam	31SBN6	9.7	5.8	Đạt	
36	28208047929	Mai Thị Thảo	Ngân	14/10/2004	Bình Định	31TBN10	9.3	8.0	Đạt	
37	28208102787	Trần Thị Tuyết	Ngân	10/05/2004	Đà Nẵng	31SBN6	9.3	9.3	Đạt	
38	26204732390	Bùi Thị Bích	Ngọc	03/12/1997	Đà Nẵng	31CSC5	9.7	5.0	Đạt	
39	27203843420	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	15/07/2003	Quảng Nam	30CYC7	6.3	7.8	Đạt	
40	29204322013	Nguyễn Xuân Bảo	Ngọc	28/09/2005	Bình Định	31SBN6	6.7	5.8	Đạt	
41	28204653374	Huỳnh Thị Bích	Nguyên	07/07/2004	Phú Yên	31SHT6	7.7	5.3	Đạt	
42	27202243943	Nguyễn Thị Băng	Nhận	23/10/2003	Gia Lai	31TYC5	5.0	5.0	Đạt	
43	28212305952	Phan Quốc	Nhật	26/08/2004	Quảng Trị	31SBN6	7.3	8.3	Đạt	
44	28202701172	Lê Thị Yến	Nhi	24/06/2004	Gia Lai	31TBN10	7.3	6.0	Đạt	
45	28208006701	Phan Thị Bích	Nhi	24/04/2004	Quảng Nam	31SBN6	V	V	Không Đạt	
46	28206500258	Đặng Yến	Như	01/09/2004	Bình Định	31CYC5	9.0	5.0	Đạt	
47	28207202579	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/05/2004	Quảng Nam	31SBN6	9.7	7.3	Đạt	
48	28207152926	Võ Quỳnh	Như	15/08/2004	Phú Yên	31TYC5	5.0	6.0	Đạt	
49	28204706379	Đỗ Hoàng	Nhung	28/04/2004	Đà Nẵng	31CHT5	5.7	5.5	Đạt	
50	27212201111	Lê Phương Hồng	Nhung	28/09/2003	Thanh Hóa	31TBN2	7.3	5.5	Đạt	
51	28208053568	Huỳnh Tuyết	Nữ	14/03/2003	Bình Định	31SBN6	3.3	1.3	Không Đạt	
52	27207101004	Trần Quỳnh	Oanh	13/04/2003	Đà Nẵng	31SHT6	7.7	5.0	Đạt	
53	28211337136	Nguyễn Tấn	Phát	29/06/2004	Bình Định	31TBN10	8.0	10.0	Đạt	
54	27211303112	Nguyễn Thành	Phú	09/01/2003	Bình Định	31TSC3	5.7	6.5	Đạt	
55	28212742360	Trương Trọng	Phú	27/02/2004	Gia Lai	31TBN10	4.7	2.0	Không Đạt	
56	28218102264	Trần Trọng	Phúc	14/05/2004	Đắk Lắk	31TBN10	3.3	5.5	Không Đạt	
57	28214652661	Trương Công	Phúc	16/02/2004	Đà Nẵng	31THT3	7.0	5.5	Đạt	
58	27217133852	Nguyễn Lê Kim	Phụng	31/05/2002	Đà Nẵng	31SHT6	9.3	5.0	Đạt	
59	28204454163	Đàm Mai	Phương	13/08/2004	Gia Lai	31SHT6	7.0	5.3	Đạt	
60	28207253702	Huỳnh Phạm Mai	Phương	25/01/2004	Đà Nẵng	31SBN6	9.0	9.3	Đạt	
61	28207228766	Võ Thị Ngọc	Phượng	29/02/2004	Đà Nẵng	31SBN6	7.3	7.0	Đạt	
62	28212701395	Phan Văn	Quân	22/05/2004	Đà Nẵng	31TBN10	4.7	5.0	Không Đạt	
63	28214634799	Võ Xuân	Quang	10/02/2004	Bình Định	31TBN10	5.3	5.0	Đạt	
64	28212303613	Nguyễn Minh	Quốc	01/07/2004	Hà Tĩnh	31SHT6	8.3	9.8	Đạt	
65	28218141947	Nguyễn Nhật	Quốc	18/05/2004	Quảng Nam	31SBN6	10.0	10.0	Đạt	
66	28208152250	Lê Thị Lệ	Quyên	16/09/2004	Quảng Nam	31SBN6	4.7	4.0	Không Đạt	
67	28204901451	Phan Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/10/2004	Huế	31SHT6	H	H	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	29209323383	Trương Như Quỳnh	12/11/2005	Bình Định	31SBN6	8.3	5.0	Đạt	
69	29212254589	Bùi Đông San	16/09/2005	Quảng Nam	31SBN4	5.7	4.0	Không Đạt	
70	28207100907	Phạm Thị Son	14/12/2004	Quảng Ngãi	31CSC1	5.7	5.3	Đạt	
71	28212451416	Đỗ Văn Tài	03/01/2004	Quảng Bình	31TBN10	4.3	3.0	Không Đạt	
72	27211334764	Trần Văn Tài	07/02/2003	Quảng Nam	31SBN2	3.7	1.3	Không Đạt	
73	28218006044	Phạm Minh Tây	13/06/2004	Quảng Nam	31SBN6	V	V	Không Đạt	
74	28204301621	Phạm Thị Minh Thân	04/03/2004	Nghệ An	30TSC6	6.3	5.0	Đạt	
75	28207100317	Nguyễn Phú Thanh	04/02/2004	Kon Tum	31TBN10	V	V	Không Đạt	
76	27203139503	Nguyễn Thị Đan Thanh	07/12/2003	Đắk Lắk	31SHT6	5.7	5.3	Đạt	
77	28211141086	Huỳnh Công Thành	14/08/2004	Quảng Nam	31SBN6	3.7	3.8	Không Đạt	
78	28208152323	Trần Thị Thu Thao	13/09/2004	Quảng Bình	31SHT6	V	V	Không Đạt	
79	28208152867	Nguyễn Thị Thanh Thảo	08/12/2004	Đà Nẵng	31SHT6	8.7	5.0	Đạt	
80	28206204648	Nguyễn Thu Thảo	04/07/2004	Quảng Nam	31SBN6	7.7	9.3	Đạt	
81	28208030194	Nguyễn Thị Thêm	21/08/2004	Đà Nẵng	31SHT6	9.3	5.3	Đạt	
82	28207102307	Nguyễn Thị Anh Thư	13/08/2004	Quảng Nam	31SBN6	6.3	5.0	Đạt	
83	28214602393	Phạm Đức Thuận	25/05/2004	Đắk Lắk	31SHT6	5.7	5.8	Đạt	
84	28212346171	Nguyễn Văn Thương	26/03/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	8.7	10.0	Đạt	
85	29203564806	Nguyễn Thị Kim Thùy	04/08/2005	Quảng Ngãi	31CBN4	8.0	6.5	Đạt	
86	28208151910	Nguyễn Thị Thu Thủy	16/05/2004	Quảng Nam	31SBN6	9.0	8.8	Đạt	
87	28206546880	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12/11/2004	Đà Nẵng	31SHT6	6.7	5.5	Đạt	
88	28218050646	Nguyễn Thị Bảo Trâm	21/01/2004	Bình Định	31TBN10	7.7	5.3	Đạt	
89	28204401811	Nguyễn Thị Thùy Trâm	03/08/2003	Quảng Ngãi	30THT15	8.0	3.3	Không Đạt	
90	28202700159	Lê Viết Huyền Trân	06/02/2004	Đà Nẵng	31TBN10	9.7	6.0	Đạt	
91	28206632294	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11/11/2004	Đà Nẵng	30SHT3	6.3	6.0	Đạt	
92	28208150674	Hoàng Bùi Nguyên Trang	01/01/2004	Đà Nẵng	31SBN6	5.0	6.3	Đạt	
93	28204624785	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/2004	Quảng Ngãi	31SSC4	5.7	5.0	Đạt	
94	28204337623	Trần Thị Hoài Trinh	08/08/2004	Quảng Nam	31SHT6	V	V	Không Đạt	
95	27211340550	Phùng Đức Trọng	22/09/2003	Nam Định	31SBN2	5.3	0.0	Không Đạt	
96	28212448348	Nguyễn Chí Trung	08/11/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	9.3	8.5	Đạt	
97	28218136356	Đặng Tiến Tuấn	06/12/2004	Đà Nẵng	31SHT6	8.0	5.3	Đạt	
98	28218304750	Nguyễn Thành Tuấn	25/09/2004	Bình Định	31TBN10	5.7	5.0	Đạt	
99	27218138678	Phạm Anh Tuấn	09/10/2003	Quảng Bình	30THT3	6.7	6.8	Đạt	
100	27211342720	Phạm Duy Tuấn	10/01/2003	Quảng Bình	30TYC11	8.7	7.3	Đạt	
101	28206236563	Nguyễn Thị Minh Tuyền	16/06/2004	Đà Nẵng	31TBN10	7.3	5.3	Đạt	
102	28208102867	Ngô Thị Tú Uyên	28/05/2004	Đắk Lắk	31TBN10	8.3	9.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	27204301673	Trịnh Thị Thảo	Vân	11/02/2003	Đà Nẵng	31SBN6	5.3	3.5	Không Đạt	
104	27202727016	Nguyễn Thị Tường	Vi	02/03/2003	Thừa Thiên H	30TSC2	5.0	5.3	Đạt	
105	28218000754	Võ Quốc	Việt	10/02/2004	Quảng Nam	31TBN10	V	V	Không Đạt	
106	28212449457	Hoàng Đình	Vinh	07/06/2004	Đà Nẵng	31TBN10	4.3	4.0	Không Đạt	
107	28212703522	Nguyễn Xuân	Vinh	19/02/2004	Đắk Lắk	31TBN10	5.3	5.8	Đạt	
108	27202241855	Nguyễn Tống Tường	Vy	28/11/2003	Quảng Nam	30CBN3	7.7	3.5	Không Đạt	
109	28206721483	Phạm Thị Thanh	Yên	04/05/2004	Đà Nẵng	31SHT6	7.0	5.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh